

Số: 09/2023/QĐST - DS

Cẩm Phả, ngày 18 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Chính Nghĩa.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Mai Tường Vi.

Căn cứ các Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 317; khoản 7 Điều 323, Điều 299 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi vi phạm”; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết án phí số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng; địa chỉ: xxx Nguyễn Thị Minh Khai, phường x, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: ông Từ Tiên P1 - chức vụ: tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị T2 - chức vụ: giám đốc xử lý nợ; người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Trường S1; địa chỉ: ô số 01 + 02, lô BT - 01, khu đô thị B1, phường Đ1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng

Ninh. (theo giấy ủy quyền số: 12/UQ-QLN.23 ngày 20/4/2023 của Ngân hàng).

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Đức K1, sinh năm 19xx.

Và bà Vũ Thị Thu L1, sinh năm 19xx.

Cùng địa chỉ: tổ x, khu S2, phường S2, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Đức K1 và bà Vũ Thị Thu L1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, tính đến ngày 18/9/2023, số tiền 5.977.663.777 đồng, trong đó nợ gốc: 5.490.180.000 đồng, lãi trong hạn 135.756.731 đồng, lãi quá hạn 351.727.046 đồng và tiếp tục phải trả tiền lãi kể từ ngày 19/9/2023 cho đến khi trả xong khoản nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số CAP.CN.1976.020822 ngày 04/8/2022 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Đức K1 và bà Vũ Thị Thu L1.

Ông Nguyễn Đức K1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, tính đến ngày 18/9/2023, số tiền 28.310.218 đồng, trong đó: nợ gốc 25.172.540 đồng, lãi quá hạn 3.137.678 đồng và tiếp tục phải trả tiền lãi kể từ ngày 19/9/2023 cho đến khi trả xong khoản nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 01/8/2022 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Đức K1.

Thời hạn trả nợ chậm nhất vào ngày 30/11/2023, ông Nguyễn Đức K1 và bà Vũ Thị Thu L1 phải trả cho Ngân hàng một lần, toàn bộ số nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số CAP.CN.1976.020822 ngày 04/8/2022; ông Nguyễn Đức K1 phải trả một lần, toàn bộ số nợ, theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 01/8/2022.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông K1, bà L2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đức K1, bà Vũ Thị Thu L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng số

CAP.CN.1976.020822 ngày 04/8/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Á Châu với ông Nguyễn Đức K1 và bà Vũ Thị Thu L1; ông Nguyễn Đức K1 phải chịu lãi suất theo thỏa thuận tại giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 01/8/2022 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu với ông Nguyễn Đức K1.

Trường hợp ông Nguyễn Đức K1 và bà Vũ Thị Thu L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hợp đồng cấp tín dụng số CAP.CN.1976.020822 ngày 04/8/2022 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp, để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp là: diện tích đất 287,5m², trong đó đất ở: 287,5m² và toàn bộ tài sản trên đất là 179 cây keo, thuộc thửa đất số: ô số 10, tờ bản đồ số: lô A5B, tại địa chỉ: khu dân cư tự xây lô N6, N7, tổ 7, khu Diêm Thủy, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả cấp ngày 29/5/2018; ngày 29/7/2022 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đăng ký quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Đức K1, theo hợp đồng thế chấp số: CA.BĐCN.390.020822 ngày 04/8/2022 và cam kết thế chấp tài sản ngày 04/8/2022, được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Đức K1, để thu hồi khoản vay theo hợp đồng tín dụng hợp đồng cấp tín dụng số CAP.CN.1976.020822 ngày 04/8/2022.

Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Đức K1 và bà Vũ Thị Thu L1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản vay.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Nguyễn Đức K1 và bà Vũ Thị Thu L1 phải hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã tạm ứng là 7.200.000 đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đức K1 và bà Vũ Thị Thu L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: ông Nguyễn Đức K1 và bà Vũ Thị Thu L1 phải chịu 113.977.664 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Đức K1 phải chịu 1.415.511 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần 56.824.658

đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 000xxxx ngày 16/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSNDTP Cẩm Phả;
- Chi cục THADSTP Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Chính Nghĩa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thủy Mai Tường Vi

Trần Chính Nghĩa